

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN THẠNH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST.

Ngày 12-02-2019.

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Tấn Út.

- Ông Võ Tấn Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Ni – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2018, về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXX-ST ngày 09 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Minh T, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Bà Phan Bích H, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/10/2018 nguyên đơn ông Lê Minh T trình bày:

Ông Lê Minh T và bà Phan Bích H sau thời gian quen biết nhau đã tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã L cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 03/01/2017. Tuy nhiên sau khi đăng ký kết hôn là ông T và bà H không có tổ chức đám cưới do giữa hai người xảy ra mâu thuẫn và từ đó chia tay cho đến nay.

Nay ông T yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn bà Phan Bích H: Sau khi thụ lý vụ án, ngày 04/12/2018 Tòa án đã tiến hành gặp bà Phan Bích H để ghi lời khai, tuy nhiên bà Phan Bích H không đồng ý cung cấp lời khai, Tòa án đã lập biên bản về việc không ghi được lời khai của bà Phan Bích H, do vậy bị đơn không có lời trình bày về nội dung vụ việc cũng như ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày: Từ khi thụ lý đến kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa thẩm phán – chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị chấp nhận cho ông T được ly hôn với bà H, các vấn đề khác không có yêu cầu nên không có giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng Tòa án tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo mở phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và hoà giải, triệu tập tham gia phiên tòa đối với bị đơn bà Phan Bích H. Nhận thấy đây là phiên tòa lần thứ hai, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Phan Bích H

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Minh T và bà Phan Bích H kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm quy định về điều kiện kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy qua kết quả xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ cho thấy ông Lê Minh T và bà Phan Bích H thực tế tự có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến không chung sống với nhau. Từ khi xảy ra mâu thuẫn đến nay đã gần một năm nhưng vẫn không thể giải quyết để hàn gắn được, cả hai đã không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, nếu tiếp tục kéo dài cũng không có hạnh phúc, do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận cho ông Lê Minh T và bà Phan Bích H ly hôn là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[3] Về con chung không có, tài sản chung và nợ chung nguyên đơn ông Lê Minh T trình bày không có và không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Ông Lê Minh T là người khởi kiện nên phải chịu án phí hôn nhân 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Lê Minh T được ly hôn với bà Phan Bích H.

Về án phí: Nguyên đơn Lê Minh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu số 0003358 ngày 06/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, ông T đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy Ban nhân dân nơi đương sự cư trú) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thanh Trì;
- Chi cục THADS huyện Thanh Trì;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Bích Phượng

